



|                                                            |    |       |               |                |               |                |
|------------------------------------------------------------|----|-------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| 12. Chi phí khác                                           | 32 |       | 2.265.508     | 84.237.800     | 38.775.335    |                |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                              | 40 |       | 78.532.011    | (66.730.792)   | 64.766.755    | 17.507.008     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)           | 50 |       | 4.002.425.488 | 23.509.425.441 | 7.706.534.683 | 37.591.940.035 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | 51 | VI.30 | 1.001.172.750 | 5.898.415.810  | 1.936.327.505 | 9.397.985.009  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                             | 52 | VI.30 |               |                |               |                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 |       | 3.001.252.738 | 17.611.009.631 | 5.770.207.178 | 28.193.955.026 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                               | 70 |       |               |                |               |                |

Ghi chú: Do ngày 10/02/2012 Công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần nên số liệu lũy kế của năm trước lấy mốc từ thời điểm 10/02/2012

## NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Lê Thị Ánh Nguyệt

## KẾ TOÁN TRƯỞNG

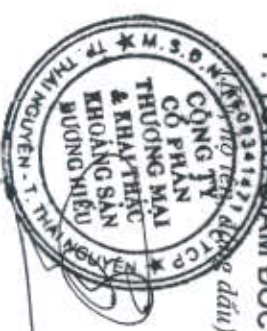
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thịnh

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2013

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Ga